TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**
Số: 01/2020/QĐST-HC	*Phú Thọ, ngày 06 tháng 3 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN HÀNH CHÍNH

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ vào khoản 5 Điều 38, điểm g khoản 1 Điều 143, Điều 144 và Điều 145 của Luật Tố tụng hành chính;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án hành chính sơ thẩm;

XÉT THẤY:

Ông Vũ Văn G, bà Nguyễn Thị T đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh P hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 144075 do UBND thị xã P cấp ngày 04/5/2012 đứng tên Vũ Văn G, thửa đất số 75; tờ bản đồ 28; diện tích 158,4m^2; mục đích sử dụng : Đất ở đô thị 40m^2, đất trồng cây lâu năm khác (Đất vườn)118,4 m^2; địa chỉ: Khu 7, phường T, thị xã P, tỉnh P. Đề nghị UBND thị xã P cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đúng với diện tích mà bà Đinh Thị P (Là mẹ đẻ của ông Vũ Văn G) đã tặng cho quyền sử dụng đất với diện tích đất là 212m^2 (Đất ở đô thị 40m^2, đất trồng cây lâu năm khác (Đất vườn)118,4m^2. Lý do đề nghị: Ông G, bà T cho rằng khi đo đạc kiểm tra hiện trạng tại thực địa thì vẫn thể hiện đủ diện tích nhưng khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì thiếu 53,6m^2.

Sau khi xem xét, tài liệu chứng cứ hồ sơ thể hiện: Ngày 21/4/2012 gia đình ông G đã có văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế và cho di sản thừa kế tại Phòng công chứng số 2 tỉnh P gồm có cụ Đinh Thị P, bà Vũ Thị T, bà Vũ Thị D, ông Vũ Văn G, với nội dung thỏa thuận cho ông Vũ Văn G toàn quyền sử dụng diện tích 212m^2 đất (đất ở 40m^2, đất vườn:172m^2; địa chỉ: Khu 7, phường T, thị xã P, tỉnh P, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R140542 do Ủy ban nhân dân thị xã P Thọ cấp ngày 21/9/2000. Nhưng tại biên bản kiểm tra hiện trạng sử dụng đất ngày 24/4/2012 thể hiện: "Phần đất tặng cho theo chỉ giới 1,2,3,4,5 diện tích 158,4m^2 (trong đó: Đất ở: 40m^2; đất vườn: 118,4m^2 (đất nằm trong hành lang bảo vệ đê); địa chỉ: Khu 7, phường T, thị xã P, tỉnh P; Phần đất giảm 53,6 m^2 so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã được UBND thị xã cấp ngày 21/9/2000", biên bản và sơ đồ hiện trạng được thông qua, các bên có mặt nhất trí ký tên, có điểm chỉ của người tặng cho cụ Đinh Thị P, người nhận tặng cho ông Vũ Văn G, các hộ giáp danh và các thành phần khác thống nhất danh giới diện tích ký xác nhận

Ngày 04/5/2012 ông Vũ Văn G được UBND thị xã P cấp chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 144075, đứng tên Vũ Văn G, thửa đất số 75; tờ bản đồ 28; diện tích 158,4 m^2; mục đích sử dụng: Đất ở đô thị 40m^2, đất trồng cây lâu năm khác (Đất vườn)118,4 m^2; địa chỉ: Khu 7, phường T, thị xã P, tỉnh P. Nguồn gốc thửa đất mà ông G được cấp là đất thổ cư của bố mẹ ông G là hộ bà Đinh Thị P tặng cho.

Ngày 07/01/2016, ông Vũ Văn G làm thủ tục chuyển nhượng 72,7 m^2 đất vườn cho bà Vũ Thị M, phường T. Ngày 22/01/2016 bà Vũ Thị M đã được UBND thị xã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB819211, thửa đất số 83 (Tách từ thửa 75), tờ bản đồ số 28, diện tích 72,7 m^2; mục đích sử dụng đất vườn; địa chỉ: khu 7, phường T, thị xã P, tỉnh P. Diện tích đến nay hộ ông Vũ Văn G đang sử dụng là 85,7m^2 đất (trong đó: Đất ở 40m^2 và đất vườn: 45,7 m^2)

Kể từ thời điểm ông Vũ Văn G được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông G có gửi đơn đến Ủy ban nhân dân phường T để giải quyết: Đơn thứ nhất ngày 23/8/2018; đơn thứ hai ngày 20/9/2018. Sau khi nhận được đơn của ông Vũ Văn G UBND phường T đã giải quyết đơn theo đúng trình tự (Biên bản làm việc ngày 18/10/2018; biên bản làm việc ngày 25/10/2018; biên bản làm việc ngày 22/11/2018; biên bản làm việc ngày 28/11/2018). Sau các buổi làm việc ngày 28/11/2018 ông Vũ Văn G đã đồng ý thống nhất với các nội dung đã giải quyết và có đơn xin tự nguyện rút đơn đề nghị của mình và công nhận hiện tại thực tế trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng do UBND thị xã P Thọ đã cấp cho ông ngày 04/5/2012.

Như vậy, xác định ông G, bà T đã biết quyết định hành chính là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 144075, đứng tên Vũ Văn G, thửa đất số 75; tờ bản đồ 28; diện tích 158,4 m^2; mục đích sử dụng: Đất ở đô thị 40m^2, đất trồng cây lâu năm khác (Đất vườn)118,4 m^2; địa chỉ: Khu 7, phường T, thị xã P, tỉnh P Thọ từ năm 2012. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tố tụng hành chính thì thời hiệu khởi kiện của ông G, bà T đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà UBND thị xã P cấp cho ông Vũ Văn G đã hết.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Đình chỉ giải quyết vụ án hành chính thụ lý số: 33/2019/TLST-HC ngày 11 tháng 12 năm 2019 về việc "Khiếu kiện hủy quyết định hành chính" giữa:

Người khởi kiện : Ông Vũ Văn G , sinh năm 1965 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1968; địa chỉ: số nhà 16, tổ 15, phường T (Nay là phường C), thị xã P, tỉnh P.

Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thị xã P, tỉnh P;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tiến L, Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã P, tỉnh P

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Anh V, Chức vụ: Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã P, tỉnh P, theo giấy ủy quyền số 1368/GUQ- UBND ngày 25/12/2019.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1.Ủy ban nhân dân phường T (nay là phường C thị xã P, tỉnh P;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Mai Tiến M, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường C, thị xã P, tỉnh P.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Đức A, Công chức địa chính xây dựng - UBND phường T (nay là phường C), thị xã P, tỉnh P, theo văn bản ủy quyền số 57/GUQ - UBND ngày 14/02/2020.

Bà Vũ Thị T (Chết ngày 25/9/2019). Người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng cho bà D: Chị Nguyễn Thị G, sinh năm 1987; địa chỉ: Phường C, thị xã P, tỉnh P và ông Nguyễn Văn S sinh năm 1990; địa chỉ: Khu 7, phường T, thị xã P, tỉnh P.

2. Hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án:

Người khởi kiện không có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án đó, nếu việc khởi kiện này không có gì khác với vụ án đã bị đình chỉ về quan hệ pháp luật có tranh chấp theo quy định tại khoản 1 Điều 144 Luật tố tụng hành chính.

3.Về án phí: Áp dụng khoản 3 Điều 18 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Hoàn trả lại cho ông Vũ Văn G và bà Nguyễn Thị T số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm đã nộp theo biên lai số AA/2018/0003294 ngày 11/12/2019 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh P.

4. Đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này hoặc kể từ ngày Quyết định này được niêm yết công khai theo quy định của Luật tố tụng hành chính./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh P;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thị Thu Huyền